HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 37 /2026/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Xét Tờ trình số 654/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030 theo khoản 4 Điều 8 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg (sau đây gọi là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ nguồn vốn

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quy định về phân cấp, phân quyền của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác có liên quan.

2. Đảm bảo nguyên tắc phân bổ nguồn vốn theo quy định tại Điều 3, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg; bảo đảm không vượt quá tổng mức nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn sự nghiệp và nguồn vốn địa phương của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ hằng năm và nguồn vốn địa phương được cấp có thẩm quyền giao; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang; điều kiện thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ nguồn vốn cho cấp xã, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bảo đảm đồng bộ, công khai, minh bạch, không chồng chéo, không trùng lặp với các chương trình, đề án khác và phù hợp với mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình.

Điều 3. Phân bổ nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ cho cấp xã

1. Nguồn vốn phân bổ cho cấp xã bao gồm vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương và nguồn vốn địa phương theo phương án phân bổ được cấp có thẩm quyền quyết định hằng năm hoặc từng giai đoạn.

2. Nguồn vốn phân bổ cho cấp xã được xác định theo tiêu chí, định mức quy định tại Điều 4 Nghị quyết này; bảo đảm phù hợp với mục tiêu, đối tượng,

nội dung, nhiệm vụ của Chương trình và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

3. Phân bổ nguồn vốn theo tính chất nguồn vốn

a) Vốn đầu tư phát triển được phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu trên cơ sở tổng mức nguồn vốn được giao theo phương án phân bổ cho cấp xã và tổng hệ số của từng xã, phường, đặc khu xác định theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

b) Nguồn vốn sự nghiệp được phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu trên cơ sở tổng mức nguồn vốn được giao theo phương án phân bổ cho cấp xã và tổng hệ số của từng xã, phường, đặc khu xác định theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

c) Nguồn vốn địa phương được bố trí, phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm phù hợp với phương án phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình.

Hằng năm, căn cứ hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu phương án phân bổ cụ thể nguồn vốn cho cấp xã để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao theo mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg và Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã

1. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn theo đối tượng xã

a) Xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn), đặc khu: Hệ số 6,0.

b) Xã khu vực I, II và các xã còn lại: Hệ số 4,0.

c) Các phường: Hệ số 2,0.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn theo quy mô dân số

a) Các xã, phường, đặc khu có quy mô dân số dưới 10.000 người: Hệ số 0,25.

b) Các xã, phường, đặc khu có quy mô dân số từ 10.000 người đến dưới 20.000 người: Hệ số 0,5.

c) Các xã, phường, đặc khu có dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người: Hệ số 0,9.

d) Các xã, phường, đặc khu có quy mô dân số từ 30.000 người trở lên: Hệ số 1,95.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn theo quy mô diện tích

a) Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích dưới 100 km^2: Hệ số 0,25.

b) Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích từ 100 km² đến dưới 200 km^2: Hệ số 0,7.

c) Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích từ 200 km² đến dưới 300 km²: Hệ số 1,15.

d) Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích từ 300 km² trở lên: Hệ số 1,9.

4. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

a) Các xã, phường, đặc khu có di tích cấp quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0.

b) Các xã, phường, đặc khu có di tích cấp quốc gia: Hệ số 2,0.

5. Phương pháp tính mức nguồn vốn được phân bổ

Nguồn vốn đầu tư phát triển và nguồn vốn sự nghiệp được phân bổ cho các xã, phường, đặc khu trên cơ sở tổng mức vốn được cấp có thẩm quyền quyết định và tổng điểm của từng xã, phường, đặc khu theo công thức sau:

Gọi A_i tổng điểm của xã, phường, đặc khu thứ i = Hệ số theo đối tượng xã + Hệ số theo quy mô dân số + Hệ số theo quy mô diện tích + Hệ số theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

a) Tổng điểm của từng xã, phường, đặc khu được xác định theo công thức: $A_i = A1_i + A2_i + A3_i + A4_i$

Trong đó: $A1_i$ là điểm theo tiêu chí đối tượng; $A2_i$ là điểm theo quy mô dân số; $A3_i$ là điểm theo quy mô diện tích; $A4_i$ là điểm theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

b) Số vốn đầu tư phát triển bình quân cho 01 điểm: $B_1 = V_1 / A_i$.

Trong đó: B_1 là vốn đầu tư phát triển bình quân cho 01 điểm; V_1 là tổng vốn đầu tư phát triển được cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ cho cấp xã.

c) Số vốn sự nghiệp bình quân cho 01 điểm: $B_2 = V_2 / A_i$.

Trong đó: B_2 là vốn sự nghiệp bình quân cho 01 điểm; V_2 là tổng vốn sự nghiệp được cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ cho cấp xã.

d) Vốn đầu tư phát triển phân bổ cho xã, phường, đặc khu thứ i: $C1_i = A_i \times B_1$.

Trong đó: $C1_i$ là vốn đầu tư phát triển phân bổ cho xã, phường, đặc khu thứ i.

đ) Số vốn sự nghiệp phân bổ cho xã, phường, đặc khu thứ i: $C2_i = A_i \times B_2$.

Trong đó: $C2_i$ là vốn sự nghiệp phân bổ cho xã, phường, đặc khu thứ i.

e) Tổng số vốn phân bổ cho xã, phường, đặc khu thứ i: $C_i = C1_i + C2_i$.

Trong đó: C_i là tổng vốn phân bổ cho xã, phường, đặc khu thứ i.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 9 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Lê Hồng Thắm